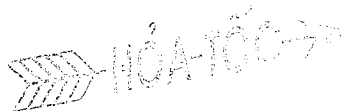
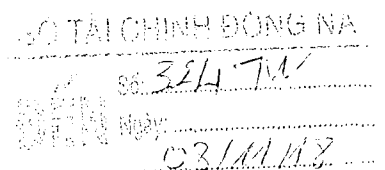


BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 13556/BTC-NSNN

Hà Nội, ngày 05 tháng 11 năm 2018

V/v báo cáo kết quả thực hiện
Nghị quyết số 51/NQ-CP
của Chính phủ.



Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để đảm bảo nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về việc chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TW. Trong đó, tại khoản 3, mục III, Chính phủ giao: *Hàng năm, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo đưa vào chương trình công tác của Chính phủ, địa phương các đề án, nhiệm vụ triển khai Nghị quyết 07-NQ/TW; kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện và gửi Bộ Tài chính báo cáo đánh giá kết quả thực hiện trước ngày 10 tháng 12 để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, cấp có thẩm quyền.*

Bộ Tài chính đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 51/NQ-CP, đánh giá quá trình thực hiện Nghị quyết trong giai đoạn 2016-2018 và mục tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 2019-2020, chi tiết theo các nội dung như sau:

1. Quá trình xây dựng và ban hành Chương trình hành động của bộ, cơ quan trung ương, địa phương đến năm 2020 và việc đưa các chương trình, đề án, dự án vào chương trình công tác của Chính phủ, địa phương hàng năm theo quy định tại khoản 1 và 3, mục III của Nghị quyết (đề nghị đính kèm Chương trình hành động mà cơ quan, địa phương đã ban hành đến năm 2020; các chương trình, đề án đã đưa vào chương trình công tác của Chính phủ, địa phương đến nay).

2. Đánh giá tình hình triển khai thực hiện đến nay và dự kiến mục tiêu, nhiệm vụ các năm 2019, 2020, đề nghị chi tiết theo từng nhóm nhiệm vụ quy định tại Nghị quyết số 51/NQ-CP, cụ thể:

a) Phát triển thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo môi trường và động lực phát triển kinh tế xã hội, tạo nguồn thu vững chắc cho NSNN; trong đó chi tiết việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, danh mục các chương trình, đề án, dự án và tiến độ triển khai đến nay.

b) Thúc đẩy tái cơ cấu nền kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng; đề nghị báo cáo cụ thể từng nhiệm vụ, gồm:

(i) Tái cơ cấu đầu tư, trọng tâm là đầu tư công, tập trung vào đổi mới căn bản cơ chế và cách thức huy động, phân bổ, quản lý và sử dụng vốn đầu tư xã hội.

(ii) Cơ cấu lại thị trường tài chính, tập trung vào các tổ chức tín dụng.

(iii) Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là các tập đoàn, tổng công ty nhà nước.

(iv) Tái cơ cấu việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, đặc biệt là sự nghiệp giáo dục, y tế và khoa học công nghệ.

(v) Về việc sắp xếp bộ máy và tinh giản biên chế.

Trong mỗi nhiệm vụ, đề nghị chi tiết việc ban hành văn bản hướng dẫn, cơ chế, chính sách; các kết quả cơ cấu lại từng lĩnh vực so với các mục tiêu nhiệm vụ đề ra tại các Nghị quyết của Đảng, Nhà nước và các tác động cụ thể đối với thu, chi ngân sách, nợ công; các tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

Riêng nhiệm vụ (iv) và (v), đề nghị chi tiết số liệu theo phụ lục số 1 đối với từng bộ, cơ quan trung ương và địa phương; phụ lục số 2 đối với các bộ, cơ quan trung ương quản lý ngành, lĩnh vực.

c) Tăng cường tuân thủ pháp luật về tài chính – ngân sách, nợ công; quyết liệt thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí.

d) Cơ cấu lại thu NSNN: Các địa phương báo cáo về các giải pháp của địa phương mình trong công tác quản lý thu trên địa bàn, chống thất thu, chống buôn lậu, gian lận thương mại và chuyển giá; thực hiện các kết luận, kiến nghị của cơ quan kiểm toán, thanh tra đối với công tác quản lý thu ngân sách trên địa bàn.

đ) Cơ cấu lại chi ngân sách: Đề nghị báo cáo chi tiết việc cơ cấu lại chi ngân sách của từng bộ, cơ quan trung ương, địa phương; cơ cấu chi đầu tư - thường xuyên; tỷ trọng chi lương và các khoản chi theo lương trên tổng chi của từng lĩnh vực; tỷ trọng chi lương và các khoản chi theo lương trong tổng chi thường xuyên nguồn NSNN năm 2016, 2017 và đánh giá năm 2018.

e) Quản lý nợ công trong giới hạn; cơ cấu lại nợ công.

f) Tăng cường kỷ cương, kỷ luật tài chính - ngân sách, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về tài chính – NSNN: Đề nghị tập trung vào tình trạng phê duyệt dự án, nhiệm vụ chi vượt khả năng cân đối, bố trí vốn khi chưa đủ thủ tục theo quy định, vấn đề ứng trước, nợ đọng XDCB, tình trạng tồn đọng quyết toán trong thời gian 2016-2018.

g) Nghiên cứu, xây dựng chiến lược và lộ trình cơ cấu lại NSNN và quản lý nợ công sau năm 2020 để tiếp tục thực hiện các mục tiêu tại Nghị quyết số 07-NQ/TW, phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cùng kỳ. Trong đó, việc rà soát đánh giá toàn diện việc triển khai các nhiệm vụ chủ yếu, các kết quả cơ cấu lại thu – chi NSNN và quản lý nợ công đến năm 2020; đối với năm 2019, 2020, đề nghị báo cáo dự kiến mục tiêu, nhiệm vụ từng năm, đánh giá khả năng hoàn thành các mục tiêu của cả giai đoạn 2016-2020; kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các biện pháp cần thiết để đảm bảo thực hiện đồng bộ và có hiệu quả của Chương trình hành động của Chính phủ.

3. Về nguyên tắc đánh giá:

a) Đối với các nhiệm vụ Chính phủ giao cho nhiều bộ, cơ quan trung ương, địa phương thực hiện; đề nghị các bộ, cơ quan trung ương quản lý ngành, lĩnh vực tổng hợp báo cáo theo ngành, lĩnh vực quản lý (bao gồm báo cáo phần thực hiện của Bộ, Cơ quan mình và của các bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các địa phương có liên quan). Ví dụ: Đối với cơ cấu lại lĩnh vực giáo dục – đào tạo, Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm tổng hợp toàn bộ việc triển khai ban hành cơ chế, chính sách; tiến độ thực hiện tăng giá dịch vụ theo lộ trình tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP quy định về cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập; việc cơ cấu số lượng các cơ sở giáo dục trong cả nước theo hướng giảm số lượng cơ sở giáo dục NSNN phải hỗ trợ, tăng số lượng cơ sở giáo dục tự chủ, giảm biên chế giáo dục hưởng lương từ NSNN, tiến độ thực hiện giao vốn, tài sản cho các cơ sở giáo dục theo quy định của pháp luật, thực trạng xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục và các tác động tới cơ cấu và quy mô nguồn thu của ngành, tới cơ cấu và quy mô chi của ngành, tới chất lượng cung ứng dịch vụ giáo dục, tới thu - chi ngân sách nhà nước...

b) Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương báo cáo các tồn tại, khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về việc chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TW.

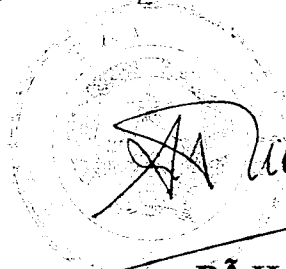
Đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khẩn trương xây dựng và gửi Báo cáo về Bộ Tài chính bằng văn bản và qua địa chỉ thư điện tử nguyenhonganhh@mof.gov.vn, đồng thời gửi nội dung báo cáo ngành, lĩnh vực

của đơn vị, địa phương mình (giáo dục – đào tạo, y tế, khoa học công nghệ, môi trường, đầu tư,...) cho các bộ quản lý ngành, lĩnh vực tổng hợp gửi Bộ Tài chính trước ngày 10 tháng 12 năm 2018 để Bộ Tài chính kịp tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ./m/

Nơi nhận: ✓

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c TTg và các PTTg);
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lãnh đạo Bộ Tài chính;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Lưu: VT, Vụ NSNN. (200 b)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Hoàng Anh Tuấn

Phụ lục 1: TỔNG HỢP QUỸ LƯƠNG, BIÊN CHẾ, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP THEO CÁC NGHỊ QUYẾT SỐ 18-NQ/TW, 19-NQ/TW, 27-NQ/TW

(Dùng cho từng bộ, cơ quan trung ương, địa phương)

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ	Trong đó:		
			Lĩnh vực giáo dục - đào tạo	Lĩnh vực y tế	Lĩnh vực KHCN
1	Số lượng người làm việc (đơn vị: người)				
a	Số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao tại thời điểm 30/4/2015				
	<i>Trong đó:</i>				
-	Biên chế công chức				
-	Biên chế viên chức (*)				
-	Lao động hợp đồng theo Nghị định 68				
	+ Trong cơ quan hành chính				
	+ Trong đơn vị sự nghiệp (*)				
-	Lao động hợp đồng khác				
b	Số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao năm 2018				
	<i>Trong đó:</i>				
-	Biên chế công chức				
-	Biên chế viên chức (*)				
-	Lao động hợp đồng theo Nghị định 68				
	+ Trong cơ quan hành chính				
	+ Trong đơn vị sự nghiệp (*)				
-	Lao động hợp đồng khác				
c	Số lượng người làm việc có mặt tại thời điểm 30/6/2018				
	<i>Trong đó:</i>				
-	Biên chế công chức				
-	Biên chế viên chức (*)				
-	Lao động hợp đồng theo Nghị định 68				
	+ Trong cơ quan hành chính				
	+ Trong đơn vị sự nghiệp (*)				
-	Lao động hợp đồng khác				
d	Số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao năm 2019 (nếu có) hoặc dự kiến năm 2019 (nếu chưa được giao)				
	<i>Trong đó:</i>				
-	Biên chế công chức				
-	Biên chế viên chức (*)				
-	Lao động hợp đồng theo Nghị định 68				
	+ Trong cơ quan hành chính				
	+ Trong đơn vị sự nghiệp (*)				
-	Lao động hợp đồng khác				
2	Quỹ lương và các khoản đóng góp theo lương (đơn vị: tỷ đồng)				
-	Quỹ lương hành chính 1 tháng theo mức lương cơ sở 1,39 triệu đồng (không bao gồm lao động hợp đồng)				
-	Quỹ lương sự nghiệp 1 tháng theo mức lương cơ sở 1,39 triệu đồng (**)				
	<i>Trong đó: phần NSNN đảm bảo</i>				
3	Đơn vị sự nghiệp công lập (đơn vị)				
a	Số lượng đơn vị sự nghiệp công tại thời điểm 30/4/2015				
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi đầu tư, chi thường xuyên				
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên				
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp được NSNN đảm bảo một phần chi thường xuyên				
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp được NSNN đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên				
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp khác				
b	Số lượng đơn vị sự nghiệp công tại thời điểm 30/6/2018				
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi đầu tư, chi thường xuyên				
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên				
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp được NSNN đảm bảo một phần chi thường xuyên				
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp được NSNN đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên				

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ	Trong đó:		
			Lĩnh vực giáo dục - đào tạo	Lĩnh vực y tế	Lĩnh vực KHCN
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp khác				
c	Số lượng đơn vị sự nghiệp công dự kiến năm 2019				
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi đầu tư, chi thường xuyên				
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên				
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp được NSNN đảm bảo một phần chi thường xuyên				
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp được NSNN đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên				
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp khác				
d	Số kinh phí NSNN hỗ trợ chi thường xuyên cho các đơn vị sự nghiệp công (***)				
-	Năm 2015				
-	Năm 2018				
-	Năm 2019				

Ghi chú:

(*) Không bao gồm số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp loại 1 (các đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi đầu tư và chi thường xuyên), loại 2 (đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên).

(**) Không bao gồm chi lương, các khoản đóng góp theo lương của các đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi đầu tư, chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên. Phần NSNN bảo đảm là phần còn lại sau khi sử dụng nguồn thu được để lại theo quy định.

(***) Được xác định = Tổng kinh phí thường xuyên NSNN cấp (bao gồm cả tự chủ, không tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp; thường xuyên và không thường xuyên đối với cơ quan hành chính) - Kinh phí NSNN giao theo cơ chế đặt hàng - Chi niên liễm - Chi vốn đối ứng các dự án sử dụng vốn nước ngoài.

Phụ lục 2: TỔNG HỢP QUỸ LƯƠNG, BIÊN CHẾ, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP THEO CÁC NGHỊ QUYẾT SỐ 18-NQ/TW, 19-NQ/TW VÀ 27-NQ/TW

Lĩnh vực.....

(Dành cho các bộ quản lý ngành - tổng hợp tình hình thực hiện các Nghị quyết của lĩnh vực.....)

STT	NỘI DUNG	TỔNG LĨNH VỰC	Trong đó:	
			Các Bộ, cơ quan Trung ương	Các Địa phương
1	Số lượng người làm việc (đơn vị: người)			
a	Số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao tại thời điểm 30/4/2015			
	<i>Trong đó:</i>			
-	Biên chế công chức			
-	Biên chế viên chức (*)			
-	Lao động hợp đồng theo Nghị định 68			
	+ Trong cơ quan hành chính			
	+ Trong đơn vị sự nghiệp (*)			
-	Lao động hợp đồng khác			
b	Số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao năm 2018			
	<i>Trong đó:</i>			
-	Biên chế công chức			
-	Biên chế viên chức (*)			
-	Lao động hợp đồng theo Nghị định 68			
	+ Trong cơ quan hành chính			
	+ Trong đơn vị sự nghiệp (*)			
-	Lao động hợp đồng khác			
c	Số lượng người làm việc có mặt tại thời điểm 30/6/2018			
	<i>Trong đó:</i>			
-	Biên chế công chức			
-	Biên chế viên chức (*)			
-	Lao động hợp đồng theo Nghị định 68			
	+ Trong cơ quan hành chính			
	+ Trong đơn vị sự nghiệp (*)			
-	Lao động hợp đồng khác			
d	Số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao năm 2019 (nếu có) hoặc dự kiến năm 2019 (nếu chưa được giao)			
	<i>Trong đó:</i>			
-	Biên chế công chức			
-	Biên chế viên chức (*)			
-	Lao động hợp đồng theo Nghị định 68			
	+ Trong cơ quan hành chính			
	+ Trong đơn vị sự nghiệp (*)			
-	Lao động hợp đồng khác			
2	Quỹ lương và các khoản đóng góp theo lương (đơn vị: tỷ đồng)			
-	Quỹ lương hành chính 1 tháng theo mức lương cơ sở 1,39 triệu đồng (không bao gồm lao động hợp đồng)			
-	Quỹ lương sự nghiệp 1 tháng theo mức lương cơ sở 1,39 triệu đồng (**)			
	<i>Trong đó: phần NSNN đảm bảo</i>			
3	Đơn vị sự nghiệp công lập (đơn vị)			
a	Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm 30/4/2015			
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi đầu tư, chi thường xuyên			
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên			
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp được NSNN đảm bảo một phần chi thường xuyên			
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp được NSNN đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên			
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp khác			
b	Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm 30/6/2018			

STT	NỘI DUNG	TỔNG LĨNH VỰC	Trong đó:	
			Các Bộ, cơ quan Trung ương	Các Địa phương
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi đầu tư, chi thường xuyên			
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên			
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp được NSNN đảm bảo một phần chi thường xuyên			
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp được NSNN đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên			
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp khác			
c	Số lượng đơn vị sự nghiệp công dự kiến năm 2019			
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi đầu tư, chi thường xuyên			
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên			
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp được NSNN đảm bảo một phần chi thường xuyên			
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp được NSNN đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên			
-	Số lượng đơn vị sự nghiệp khác			
d	Số kinh phí NSNN hỗ trợ chi thường xuyên cho các đơn vị sự nghiệp công (***)			
-	Năm 2015			
-	Năm 2018			
-	Năm 2019			

Ghi chú:

(*) Không bao gồm số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp loại 1 (các đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi đầu tư và chi thường xuyên), loại 2 (đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên).

(**) Không bao gồm chi lương, các khoản đóng góp theo lương của các đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi đầu tư, chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên. Phần NSNN bảo đảm là phần còn lại sau khi sử dụng nguồn thu được để lại theo quy định.

(***) Được xác định = Tổng kinh phí thường xuyên NSNN cấp (bao gồm cả tự chủ, không tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp; thường xuyên và không thường